

Số: /GPMT-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 624/TTr-SNNMT ngày 18/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Chih Ming, địa chỉ tại lô H3-3, Khu công nghiệp Quế Võ, phường Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất sản phẩm Taical phụ gia cho ngành nhựa” tại lô H3-3, Khu công nghiệp Quế Võ, phường Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh, với các nội dung như sau:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất sản phẩm Taical phụ gia cho ngành nhựa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô H3-3, Khu công nghiệp Quế Võ, phường Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2300324175 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 30/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 26/10/2021.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 5460885237 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh cấp chứng nhận lần đầu ngày 30/01/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 29/10/2021.

1.4. Mã số thuế: 2300324175.

1.5. Loại hình hoạt động:

+ Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các loại hạt phụ gia cho ngành nhựa, cụ thể: Hạt phụ gia nhựa taical; Hạt nhựa màu (các loại màu); hạt hút ẩm; hạt phụ gia tăng độ trong; hạt phụ gia tăng độ bóng; hạt phụ gia tăng độ dẻo, dai; hạt phụ gia tăng độ cứng; hạt phụ gia tăng độ trơn; hạt phụ gia chống tia cực tím UV; hạt phụ gia tăng độ dính; hạt phụ gia tăng độ trắng quang học.

+ Sản xuất các sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Gia công các mặt hàng nhựa

+ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà xưởng doanh nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.6.1. Phạm vi:

- Diện tích sử dụng đất: 10.000m², gồm các hạng mục công trình chính: Nhà văn phòng, nhà xưởng 4, nhà xưởng 8, nhà xưởng 9, nhà xưởng 10; các hạng mục công trình phụ: Nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà bơm, bể nước ngầm phòng cháy chữa cháy, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp điện, hệ thống giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải; các công trình bảo vệ môi trường: kho chứa chất thải nguy hại, kho chứa chất thải công nghiệp thông thường, kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, 01 hệ thống xử lý khí thải; 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày đêm.

- Nhóm dự án: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Cơ sở thuộc dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo số thứ tự 2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

1.6.2. Công suất của cơ sở:

- Sản xuất các loại hạt phụ gia cho ngành nhựa với tổng quy mô 3.000 tấn/năm. Cụ thể như sau:

- + Hạt phụ gia nhựa taical: 2.500 tấn/năm
- + Hạt nhựa màu (các loại màu): 370 tấn/năm
- + Hạt hút ẩm: 10 tấn/năm
- + Hạt phụ gia tăng độ trong: 15 tấn/năm
- + Hạt phụ gia tăng độ bóng: 15 tấn/năm
- + Hạt phụ gia tăng độ dẻo, dai: 15 tấn/năm
- + Hạt phụ gia tăng độ cứng: 15 tấn/năm
- + Hạt phụ gia tăng độ trơn: 15 tấn/năm.
- + Hạt phụ gia chống tia cực tím: 15 tấn/năm
- + Hạt phụ gia tăng độ dính: 15 tấn/năm.
- + Hạt phụ gia tăng độ bóng quang học: 15 tấn/năm.

- Cho thuê văn phòng nhà xưởng diện tích 5.102 m².
- Gia công các mặt hàng nhựa với công suất 80 tấn/năm.

1.6.3. Quy trình công nghệ sản xuất:

- Quy trình sản xuất, gia công các loại hạt phụ gia cho ngành nhựa và các mặt hàng nhựa: Nguyên liệu → Kiểm tra IQC → Phối trộn → Tạo hạt → Đùn ép → Kiểm tra OQC → Đóng gói → Lưu kho → Xuất hàng.

- Quy trình cho thuê văn phòng nhà xưởng: Xây dựng nhà xưởng → Cho công ty khác thuê → Cho thuê nhà xưởng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Giấy phép môi trường này.

3. Nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg):

Chủ cơ sở không đề nghị xác nhận thuộc danh mục phân loại xanh để được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh theo quy định khoản 3 Điều 154 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Chih Ming có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Chih Ming có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh, UBND phường Nam Sơn, Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này được ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Nhà máy sản xuất sản phẩm Taical phụ gia cho ngành nhựa” được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 79/QĐ-SNNMT ngày 01/04/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất sản phẩm Taical phụ gia cho ngành nhựa”.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh, Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP, Công ty TNHH Chih Ming và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN _{Tân}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép số: /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, lý do:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày đêm của Công ty, để xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của KCN Quế Võ. Nước thải sinh hoạt sau xử lý được đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Quế Võ, để tiếp tục xử lý, trước khi xả ra ngoài môi trường. Nước thải sinh hoạt không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải sản xuất: Nước làm mát từ quá trình đun ép được tuần hoàn liên tục thông qua tháp giải nhiệt. Định kỳ 01 năm/lần cơ sở tiến hành vệ sinh và nước thải phát sinh khoảng 1m³/năm được dẫn vào ống gom PVC đường kính 0,06m về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20m³/ngày đêm của Công ty để xử lý.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại có tổng dung tích 21 m³ sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày.đêm. Nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải của KCN Quế Võ.

- Nước thải sản xuất:

Nước làm mát từ quá trình đun ép được tuần hoàn liên tục thông qua tháp giải nhiệt. Định kỳ 01 năm/lần cơ sở tiến hành vệ sinh và nước thải phát sinh khoảng 1m³/năm được dẫn vào ống gom PVC đường kính 0,06m về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20m³/ngày đêm của Công ty để xử lý.

- Phương thức xả thải: Toàn bộ nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải của KCN Quế Võ tại 1 điểm đấu nối.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Phương án ứng phó sự cố

- Quan trắc, giám sát nội bộ chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải với tần suất hợp lý để phục vụ công tác quản lý, giám sát môi trường của cơ sở khi hoạt động. Đồng thời để kịp thời tìm nguyên nhân và khắc phục hệ thống xử lý nước thải khi hệ thống gặp sự cố.

- Định kỳ 06 tháng/lần bảo dưỡng lại hệ thống đường ống, máy móc phục vụ trong hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

- Định kỳ 01 năm/lần nạo vét đường ống dẫn nước để tránh bị lắng cặn, ứ đọng gây tắc đường ống.

- Hằng ngày kiểm tra hệ thống để kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra.

- Thực hiện nghiêm túc việc vận hành các hệ thống xử lý nước thải. Nếu trường hợp xảy ra sự cố không thể tự khắc phục được ngay, Chủ cơ sở sẽ thực hiện thông báo cho cơ quan chức năng để có hướng dẫn về phương án khắc phục.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố ngừng hoạt động thì Chủ cơ sở cần tìm nguyên nhân và khắc phục sự cố ngay lập tức, khi đó nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời tại ngăn điều hoà của hệ thống xử lý. Nếu sự cố diễn ra trong thời gian dài chưa thể khắc phục được, các bể gom và bể điều hoà của hệ thống xử lý không đủ chứa thì Chủ cơ sở sẽ thuê với đơn vị có năng đến hút đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Có nhật ký vận hành, hàng ngày ghi chép đầy đủ các thông số vận hành (như: Lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị) để có những khắc phục, sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố. Trong nhật ký phải ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

1.3.2. Tổ chức thực hiện:

- Phân công bộ phận phụ trách môi trường chịu trách nhiệm quản lý vận hành và giám sát. Đào tạo định kỳ cho công nhân về quy trình vận hành an toàn và xử lý sự cố.

- Lập sổ theo dõi mực nước thải, tần suất bơm hút, khối lượng chuyên giao.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, lý do: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày đêm đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo giấy xác nhận số 42/XN-STNMT ngày 24/4/2019. Do đó công trình không phải vận hành thử nghiệm (Theo điểm k, khoản 1, điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ- CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, điều 1 Nghị định số 05/2025/ NĐ- CP ngày 06/01/2025; sửa đổi bổ

sung tại điểm k, khoản 1, điều 11, Nghị định số 48/2026/ ND- CP ngày 29/01/2026: Dự án nằm trong hạ tầng KCN Quế Võ, toàn bộ nước thải phát sinh sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Quế Võ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo quy chuẩn/tiêu chuẩn và đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Quế Võ; không được phép xả trực tiếp nước thải ra ngoài môi trường hoặc hệ thống thoát nước mưa.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải sau xử lý. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ cơ sở phải báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Ban quản lý các KCN tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

3.5. Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND phường Nam Sơn để kịp thời xem xét xử lý./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
 (Kèm theo Giấy phép số: /GPMТ-UBND ngày / /2026
 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 03 nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực đùn ép;
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực tạo hạt;
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình trộn nguyên, phụ liệu;

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải: 01 dòng khí thải tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ công đoạn trộn nguyên phụ liệu, đùn ép, tạo hạt (xử lý khí thải của nguồn số 01, 02, 03), công suất 10.000m³/giờ

2.2. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí xả khí thải tương ứng với 01 dòng khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ công đoạn trộn nguyên phụ liệu, đùn ép, tạo hạt. Toạ độ vị trí xả khí thải: X = 2340218; Y = 406750 (Theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục 107°00', múi chiếu 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000 m³/giờ tương đương với 240.000 m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột C, cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2024/BTNMT, cột C)	Quan trắc định kỳ
1.	Lưu lượng	-	-	Không thuộc đối tượng
2.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 100	
3.	CO	mg/Nm ³	≤ 450	

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2024/BTNMT, cột C)	Quan trắc định kỳ
4.	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 500	
5.	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 350	
6.	Propylen oxyt	mg/Nm ³	≤ 50	
7.	Styren	mg/Nm ³	≤ 100	
8.	Xylen	mg/Nm ³	≤ 150	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn trộn nguyên phụ liệu, đùn ép, tạo hạt được thu gom theo 04 chụp hút kích thước dài x rộng 2000x 1500 mm và 01 chụp hút kích thước 600x600 mm. Sau đó, các nguồn khí thải được thu gom theo 04 đường ống khí nhánh D300 mm và 01 đường ống khí nhánh D 150 mm để đi vào đường ống dẫn khí chính D500 mm dẫn về hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ của 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi, khí thải → Chụp hút → Hệ thống đường ống dẫn khí → Tháp rửa bụi → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Luôn dự trữ trong kho của cơ sở đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ

trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại cơ sở, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố:

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động, liên hệ đơn vị thi công lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng chuyên môn để khắc phục và đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (từ tháng 7 /2026 đến hết tháng 10/2026)

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn trộn nguyên phụ liệu, đùn ép, tạo hạt công suất 10.000 m³/giờ;

2.3. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí sau hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn trộn nguyên phụ liệu, đùn ép, tạo hạt công suất 10.000 m³/giờ;

2.3.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải; lập nhật ký vận hành công trình xử lý.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu ra môi trường.

3.4. Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số: /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 04 nguồn

- Nguồn số 01: Từ khu vực trộn nguyên vật liệu.
- Nguồn số 02: Từ khu vực tạo hạt.
- Nguồn số 03: Từ hoạt động của quạt hút khí thải tại hệ thống xử lý bụi, khí thải từ công đoạn trộn nguyên phụ liệu, đùn ép, tạo hạt.
- Nguồn số 04: Từ hoạt động của máy bơm tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày đêm.

2. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026 và QCVN 26:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (khu vực thông thường) đến ngày 31/12/2026, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 – 21 giờ (dBA)	Từ 21 – 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (khu vực E - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định pháp luật) từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	65	60	Không thuộc đối tượng	<i>Khu vực E</i>

2.2. Độ rung:

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (khu vực thông thường) đến ngày 31/12/2026, cụ thể như sau:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ		
1	70	60	Không thuộc đối tượng	<i>Khu vực thông thường</i>

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (*khu vực D - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định pháp luật*) từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	70	65	Không thuộc đối tượng	<i>Khu vực D</i>

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:
 - + Bê tông hóa đường nội bộ;
 - + Trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở;
 - + Quy định tốc độ tối đa của xe vận chuyển, đi lại ra vào cơ sở.
 - + Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ;
 - + Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân: Nút tai, quần áo bảo hộ;

+ Xây dựng lịch trình sản xuất hợp lý làm giảm mật độ các loại phương tiện vận chuyển trong cùng một thời điểm.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

+ Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc, thiết bị có độ rung cao.

+ Tính toán thiết kế các máy móc có đủ khối lượng, chiều sâu để làm giảm độ rung của thiết bị và bảo dưỡng thiết bị máy.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số: /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Dự báo khối lượng phát sinh trung bình năm (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	40
2	Dầu thải	Rắn	17 02 04	50
3	Than hoạt tính	Rắn	12 01 04	200
	Tổng số lượng			290

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Dự báo khối lượng phát sinh trung bình năm (kg/năm)
1	Giấy in, giấy photo, thùng bìa carton	22
2	Thùng, bao bì đựng nguyên nhiên liệu	100
5	Nilon	50
3	Băng dính, găng tay, giẻ lau không dính thành phần nguy hại	10
4	Tray hồng	20
6	Găng tay, khẩu trang hồng không dính thành phần nguy hại	125
7	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	100

8	Bùn thải từ bể tự hoại	385
Tổng số lượng		812

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 250 kg/ngày, thành phần gồm bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh... Giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải được kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Dự báo khối lượng phát sinh trung bình năm (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	100	18 01 03
2	Thùng chứa dầu	Rắn	10	18 01 02
3	Bao bì mềm thải	Rắn	300	18 01 01
4	Găng tay, giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	200	18 02 01
5	Hộp mực in thải	Rắn	5	08 02 04
6	Mực in thải	Rắn	5	08 02 01
Tổng số lượng			620	

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại: 01 kho.
- Diện tích kho lưu giữ: 6 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 01 kho.
- Diện tích kho lưu giữ: 6 m²

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Kho chứa chất sinh hoạt: 01 kho.
- Diện tích kho lưu giữ: 6 m²

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau

sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy trình của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (không bao gồm chất thải ký hiệu TT-R), CTNH cho đơn vị chức năng theo quy định.

4. Công ty TNHH Chih Ming có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số: /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH Chih Ming có trách nhiệm:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. Tăng cường hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

3. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

4. Nghiêm cấm hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh chất thải từ nước ngoài dưới mọi hình thức theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Nghiêm cấm nhập khẩu trái phép phương tiện, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng để phá dỡ, tái chế theo quy định tại khoản 7 Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động sản xuất theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.